TOÀ ÁN NHÂN DÂNCỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊNĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:**30**/2022/DS - PT
Ngày: 26/4/2022
V/v:*tranh chấpquyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ích Yên và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa:Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Ngọc Kim Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 20 và ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số72/2021/TLPT-DS ngày 25/10/2021về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DSST ngày 07/09/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số85/2021/QĐ-PT ngày01tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1 Bà Ma Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm LQ, xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên (Có mặt tại phiên toà)

1.2 Bà Lường Thị M, sinh năm 1973

1.3 Bà Lường Thị Th , sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm LC , xã TD , huyện ĐH , Thái Nguyên.

1.4 Bà Lường Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Xóm BM, xã TT , huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

1.5Bà Ma Thị H2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Xóm ĐĐ (nay là xóm ĐM), xã TT , huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

* Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Ma Hữu Ph, sinh năm 1955; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 2232 tòa nhà HH1C Khu đô thị LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Xóm TM, xã TT , huyện ĐH tỉnh Thái Nguyên *(có mặt tại phiên toà).*

2. Bị đơn:

Ông Ma Viết Th2, sinh năm 1961; Địa chỉ: Xóm LQ, xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Th2: Ông Ma Viết H3, sinh năm1966; Địa chỉ: Số nhà 51 tổ 11 C, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn và bà Lê Thị H4, sinh năm1964. Địa chỉ: Xóm LQ, xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên*(có mặt tại phiên toà).*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Triệu Thị X , sinh năm 1960*(vắng mặt tại phiên toà).*

3.2 Bà Lê Thị H4, sinh năm 1964*(có mặt tại phiên toà).*

3.3 Ông Ma Viết Q, sinh năm 1968*(vắng mặt tại phiên toà).*

3.4 Ông Ma Viết Ch, sinh năm 1973*(vắng mặt tại phiên toà).*

3.5 Ông Ma Viết Q2, sinh năm 1962*(vắng mặt tại phiên toà).*

3.6 Chị Ma Thị Th , sinh năm 1998*(vắng mặt tại phiên toà).*

Đều cùng trú tại: Xóm LQ, xã LV, huyện ĐH , Thái Nguyên.

* Người đại diện theo ủy quyền của chị Mai Thị X2, chị Ma Thị Th :Ông Ma Viết H3, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 51 tổ 11C, phường ĐX, thành phố BK, tỉnh Bắc Kạn*(có mặt tại phiên toà).*

3.7. Anh Nông Đình Nh, sinh năm 1987*(vắng mặt).*

3.8. Chị Mai Thị X2 (Ma Thị X2), sinh năm 1989 *(vắng mặt).*

Đều cùng trú tại: Xóm LL (nay là xóm LD), xã TT , huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

3.9. Ủy ban nhân dân huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên. Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Trung Tâm, thị trấn CC, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

* Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trường Th3 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐH *(Vắng mặt tại phiên toà).*

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Ma Văn T2, sinh năm 1944.

4.2 Ông Ma Viết K, sinh năm 1952.

4.3 Bà Ma Thị H5, sinh năm 1952.

4.4 Ông Ma Đức Th4, sinh năm 1950.

4.5 Ông Ma Đình L, sinh năm 1957.

4.6 Ông Lý Văn K2, sinh năm 1966.

4.7 Bà Trần Thị H6, sinh năm 1959.

4.8 Ông Ma Đình Kh, sinh năm 1966.

4.9 Ông Ma Viết Đ, sinh năm1966.

4.10 Ông Ma Viết Th5, sinh năm 1962.

4.11 Ông Hứa Đức K3, sinh năm 1965.

Cùng trú tại:Xóm LQ, xã LV, huyện ĐH , Thái Nguyên

4.12 Ông Ma Đức H7, sinh năm 1945.

Địa chỉ:Xóm LH, xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

4.13 Ông Ma Văn N, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Thôn 5. Xã HM, huyện ĐH2, tỉnh Kon Tum.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Ma Thị T, Lường Thị M, Lường Thị Th , Lường Thị H, Lường Thi H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩmđại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ma Hữu Ph trình bày: Vợ chồng ông Lường Văn T3 và bà Ma Thị Th6 có 05 người con và sinh sống tại xóm CN, xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên. Năm 1979 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà Th6 đưa con là chị T và chị H2 về nhà bố, mẹ ở xóm LQ, xã LV ở, đến năm 1982 vợ chồng ly hôn. Bà Th6 ở cùng bà S được một tháng thì cùng các con ra ở phần đất do bà S khai phá từ năm 1948. Khi đến ở có sửa chữa nhà làm bằng cột nghẹ của ông N để lại ở tạm sau đó khoảng 2 năm thì làm nhà sàn để ở vì phần đất này trước năm 1978 bà S cho cháu họ là ông Ma Văn N sử dụng, làm nhà đến năm 1979 ông N chuyển đi nơi khác ở thì bà S cho bà Th6 và con bà Th6 đến ở như đã nêu trên. Năm 1990 bà Th6 kê khai đất, đến năm 1993 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất và đến ngày 18/01/1994 bà Th6 được giấy chứng nhận QSDĐ số 579076 ngày 18/01/1994 với tổng diện tích 3.536m^2 đất thổ cư, đất mầu, đất trồng lúa trong đó có 1.080m^2 đất thổ cư nhưng không có số thửa, tờ bản đồ. Địa chỉ thửa đất tại thôn LQ, xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình quản lý, sử dụng đất năm 1994 thì xảy ra tranh chấp đất ông cha, ông Th2 đến đòi lại đất của bố, mẹ ông Th2 để lại. Do sợ xảy ra xô xát nên bà Th6 đưa các con sang khu đất của bà S ở khu ĐĐ (KĐ) cách nhà cũ là vị trí đất tranh chấp hiện nay khoảng 500m để ở và liền với các thửa ruộng của gia đình bà Th6 cho tiện việc canh tác, nhà cũ bà làm vườn, trồng Mít, Chuối, Cau, Hồng. Đến năm 2003 khi nhà nước làm đường nhựa, bà Th6 ốm thì ông Th2 lấn chiếm vào 2m chiều rộng mặt đường x 20 chiều sâu (chiều dài) = 40m^2 đất. Đến năm 2006 sau khi bà Th6 chết, ông Th2 lấn chiếm toàn bộ khu đất này.Khi xảy ra tranh chấp đất ông cha năm 1994 thì giữa hai bên chỉ nói, đòi lại đất chứ không có giấy tờ gì. Đến năm 2003 và năm 2006 ông Th2 lấn chiếm đất thì bà Th6, sau đó là bà T có làm đơn gửi đến xóm LQ, gửi đến xã LV nhưng đều không được giải quyết. Đến năm 2012 khi đo đạc bản đồ địa chính, bà T có đơn yêu cầu giải quyết nhưng cũng không được giải quyết, sau đó ngày 03/10/2012 UBND xã LV lại mời bà T đến Ủy ban nhân dân xã LV để hòa giải, giải quyết tranh chấp đất theo đơn yêu cầu của ông Th2. Tại nội dung biên bản hòa giải ngày 03/10/2012 của UBND xã LV có ghi "bà T phía bị đơn: Tôi cũng không xác định phần đất đó là của tôi, cho đến khi đo đạc bản đồ mới đi kê khai phía tư

vấn và trưởng thôn nói là của gia đình tôi, đồng thời bảo tôi phải nhận từ đó tôi mới nhận" nội dung ghi chép này bà T cho rằng bị ép buộc ký biên bản nhưng bà T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.Năm 2009 bà T thay mặt gia đình đã làm thủ tục và được thay đổi hạn mức đất ở đã cấp cho hộ gia đình từ 1080m^2 đất thổ cư xuống theo hạn mức 800m^2 đất thổ cư và 280m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Bà T xác định những lần ông Th2 lấn chiếm đất và gia đình bà làm đơn yêu cầu xóm LQ và gửi đơn đến xã LV yêu cầu giải quyết tranh chấp đất nhưng không được giải quyết tuy nhiên bà T xác định bà cũng không có tài liệu, giấy tờ gì chứng minh. Quá trình ông Th2 sử dụng diện tích đất tranh chấp rồi tặng cho con gái là chị Xuân, chuyển nhượng một phần đất cho chị Xuyến và việc ông Chạ, ông Quyền lấn chiếm sử dụng vào diện tích đất của mẹ chị T (bà Th6) để lại thế nào bà T và các em không biết được cụ thể, chỉ đến khi Tòa án giải quyết việc tranh chấp đất và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì mới biết. Cụ thể 1.080m^{2}đất thổ cư nằm tại các thửa đất số 158, 159, 160, 166 tờ bản đồ 299 xã LV theo giấy chứng nhận QSDĐ số 579076 ngày 18/01/1994 mang tên bà Ma Thị Th6 tại thôn LQ, xã LV là tài sản, di sản của bà Th6 để lại và yêu cầu ông Ma Viết Th2phải trả lại 1.080m^{2}đất thổ cư nêu trênvà yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 873244 ngày 30/11/2003 của UBND huyện ĐH cấp cho ông Ma Văn Th2 với diện tích 300m^2 đất thổ cư; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576252 ngày 01/6/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4 với diện tích 459,1m^2 đất trong đó có 160m^2 đất thổ cư và 299,1m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 395, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, ĐH ,Thái Nguyên; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 848974ngày 26/10/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho hộ anh Nông Đình Nh và chị Mai Thị X2 với diện tích 382,9m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 312,9m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 387, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV,ĐH , Thái Nguyên; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576254 ngày 01/6/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho hộ ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4 với diện tích 234m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 164,0m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 388, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, ĐH , Thái Nguyên.

Tại phiên tòa đã sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện từ việc yêu cầu ông Th2 trả lại 1.080m^2 đất thổ cư sang từng cá nhân đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất như và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cụ thể là:

- Yêu cầuông Ma Viết Th2 tháo dỡ nhà, di chuyển tài sản cây trồng có trên đất để trả lại cho nguyên đơn 411,7m^2 đấtthuộc thửa đất số 395, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

- Yêu cầu chị Mai Thị X2, anh Nông Đình Nh di chuyển tài sản cây trồng

có trên đất trả lại cho nguyên đơn 363,1m^2 đất thuộc thửa 387tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

- Yêu cầu bà Triệu Thị X , ông Ma Viết Q2 dỡ nhà, di chuyển tài sản cây trồng có trên đất trả lạicho nguyên đơn 146,5m^2 đất thuộc thửa 388 tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

- Yêu cầu ông Ma Viết Ch trả lại cho nguyên đơn 79,1m^2 đấtbằng tiền theo kết quả định giá là 31.640.000đ thuộc thửa 363 tờ bản số 112Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

- Yêu cầu ông Ma Viết Q di chuyển tài sản cây trồng có trên đất trả lại 231,1m^2 đấtthuộc thửa 389 tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn ông Mai Viết Th2 và đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị H4, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Diện tích đất hiện đang có tranh chấp với bà T do bố, mẹ ông Th2 là ông Ma Viết B và bà Ma Thị T4 khai phá để lại. Khoảng năm 1986 bà Th6 ly hôn chồng và đưa con về nhà mẹ đẻ là bà S để ở. Do chưa có đất nên bà S có hỏi nhà bà T4 cho chị Th6 ở nhờ khi nào lấy đất thì sẽ trả lại và được bà T4 đồng ý, vì trên đất khi đó đã có nhà sàn cột nghẹ của ông N mượn đất bà T4 trước đây để lại.Việc mượn đất và trả đất sau này đều không có văn bản giấy tờ gì. Năm 1988 ông Th2 lấy vợ và ở chung với bố mẹ, với anh Khang một thời gian. Năm 1991 thì bà T4 đến đòi lại đất cho chị Th6 mượn để cho ông Th2 ra ăn ở riêng, bà Th6 và các con trả lại đất và chuyển toàn bộ tài sản nhà cửa sang khu đất của bà S ở ĐĐ (KĐ) ở cho đến nay không có tranh chấp gì với gia đình ông Th2. Ông Th2 quản lý, sử dụng đất từ năm 1991, đến năm 1992 làm nhà tre vách đất, đến năm 2004 xây nhà ở cho đến nay và đều không có tranh chấp đất với ai.

Sau khi lấy lại đất sử dụng trong một thời gian dài, ông Th2 không kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì ông cho rằng anh trai Ma Viết Dương ở cùng bố, mẹ đại diện gia đình đã kê khai, đứng tên và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 579084 ngày 18/01/1994 với tổng diện tích 45.458m^2 đất. Đến năm 2002 khi anh Dương mất, gia đình làm thủ tục chia tách đất thì trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Dương chỉ có đất trồng lúa, đất ao nuôi trồng thuỷ sản của vợ chồng còn diện tích đất, nhà ở vợ chồng ông đang ở thì chưa được kê khai, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Vì vậy ông Th2 mới làm thủ tục kê khai phần đất thổ cư đang ở và chia tách đất ruộng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Dương ra thành sổ riêng. Đến ngày 30/11/2003 ông đã được UBND huyện ĐH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 873244 ngày 30/11/2003 với tổng diện tích 3851 m^2 đất trong đó có 300 m^2 đất thổ cư.

Năm 2011 đo đạc bản đồ địa chính thì diện tích đất vợ chồng ông đang quản lý sử dụng có tổng diện tích 1076m^2 đất trong đó có 300m^{2}đất thổ cư và 776m^2 đất trồng cây lâu năm. Khi đo đạc bản đồ địa chính cán bộ đo đạc nói phần đất ông Th2 đang sử dụng lại mang tên bà Th6 vì vậy cần xin xác nhận lại cho chính xác nhưng không được bà T đồng ý, vì vậy ông Th2 đã có đơn gửi đến UBND yêu cầu giải quyết vụ việc. Tại biên bản hòa giải ngày 03/10/2012 bà T cũng đã thừa nhận không xác định phần đất đó của bà T, cho đến khi đo đạc bản đồ mới đi kê khai phía tư vấn và trưởng thôn nói là của gia đình bà T, đồng thời bảo bà T phải nhận từ đó mới nhận. Sau đó sự việc không ai có ý kiến nào khác. Đến năm 2015 ông Th2 làm thủ tục cấp đổi sang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đấtsố: BV 576252; BV 576253; BV 576254 ngày 01/6/2015 mang tên ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4. Đến ngày 25/6/2015 ông đã lập hợp đồng tặng cho QSDD cho con gái Mai Thị X2 và anh Nông Đình Nh và được UBND huyện ĐH cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 848974 ngày 26/10/2015 cho hộ anh Nông Đình Nh và bà Mai Thị X2 với diện tích 382,9m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 312,9m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 387, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên. Phần đất có diện tích 234m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 164,0m^2 đất trồng cây lâu năm tại thửa số 388, tờ bản đồ số 112 bản đồ địa chính xã LVtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576254 ngày 01/6/2015 ông Th2 và bà Hoa đã chuyển nhượng cho chị Xuyến xây nhà ở từ năm 2004 cho đến naynhưng chưa sang tên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn hiện nay ông Th2, bà Hoa chỉ trực tiếp quản lý, sử dụng 459,1m^2 đất trong đó có 160 m^2 đất thổ cư và 299,1m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 395, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576252 ngày 01/6/2015.

Ông Th2 xác định: Từ năm 1991 khi ông trực tiếp quản lý sử dụng đất của bố mẹ cho đến nay không có tranh chấp với ai, bà S, bà Th6 khi còn sống không ai có ý kiến gì. Không có sự việc ông đến tranh chấp đất của bà Th6 năm 1994, 2003, 2006, 2012 như bà T trình bày vì bà Th6 và các con đã chuyển đi từ năm 1991 không có tranh chấp gì. Đến nay, sau khi bà S và mẹ đẻ bà Th6 chết bà T cùng các em bà T nghe người khác mới khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả lại 1080m^2 đất thổ cư (không thửa, không tờ bản đồ) mà không biết đất mình ở đâu. Khi chị T đi chỉ vị trí ranh giới đất tranh chấp có tổng diện tích là 1231,5m^2 đất bao gồm toàn bộ phần đất của gia đình ông, phần đất vợ chồng ông đã bán cho chị Xuyến, anh Quý năm 2004, đã tặng cho vợ chồng con gái là chị Xuân, anh Nhất năm 2015, chỉ sang cả phần đất của gia đình ông Chạ đã được bố mẹ ông Chạ chia cho từ năm 2003 và sang cả phần đất vườn đồi phía sau giáp bờ suối của gia đình ông Quyền đã quản lý sử dụng nhưng ông không đồng ý,

không chấp nhận. Đất của ông Chạ, ông Quyền sử dụng ông không có liên quan vì không phải đất của gia đình ông.Nếu xác định 1.080m^2 đất thổ cư (không thửa, không có tờ bản đồ) cấp trùng vào diện tích đất của gia đình ông, ôngyêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng giấy chứng nhận QSDĐ số 579076 ngày 18/01/1994 mang tên bà Ma Thị Th6.

** Người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi,nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Chị Ma Thị Th : Chị là con gái ông Th2 và xác định diện tích đất tranh chấp là của bố, mẹ chị do ông, bà nội cho mà có, không liên quan đến chị, đề nghị Tòa án xem xét.

- Bà Triệu Thị X , Ma Viết Q2 xác định diện tích diện tích 234m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 164,0m^2 đất đất trồng cây lâu năm tại thửa số 388, tờ bản đồ số 112 bản đồ địa chính xã LV, ông Th2, bà Hoa là người đã sử dụng ổn định từ năm 1991 và đã đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,vợ chồng chị đã mua của ông Th2, bà Hoa từ năm 2004 và làm nhà ở liên tục từ đó cho đến nay không có tranh chấp gì với ai. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Th2, rồi yêu cầu vợ chồng chị phải dỡ nhà, trả lại 146,5m^2 đấtcho bà T anh, chị không chấp nhận đề nghị Tòa án xem xét.

- Chị Mai Thị X2 và anhNông Đình Nh vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Diện tích 382,9m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 312,9m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 387, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV , huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên nguồn gốc là của ông, bà cho bố, mẹ chịsử dụng từ năm 1991 cho đến nay và năm 2015 đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị và vợ, chồng chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng chiphải di chuyển tài sản, cây trồng có trên đất để trả lại 363,1m^2 đấtanh chị không chấp nhận đề nghị Tòa án xem xét.

- Ông Ma Viết Ch trình bày toàn bộ diện tích 79,1m^2 đất thổ cư như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ mà nguyên đơn yêu cầu trảbằng tiền theo kết quả định giá là 31.640.000đ nằm tại 02 thửa, trong đó thửa số 363 có diện tích 131,9m^2 và thửa số 403 có diện tích 176,5m^2. Nguồn gốc đất ông đã được bố, mẹ chia cho làm nhà ở từ năm 1991 không có tranh chấp với ai và đến năm 2003 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không liên quan gì đến diện tích đất của gia đình ông Th2, bà Hoa.Vì vậy ông không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét.

- Ông Ma Viết Q trình bày: Diện tích 231,1m^2 đấttrồng cây lâu năm trong tổng diện tích 644,6m thuộc thửa 389 tờ bản đồ địa chính số 112 ông ở cùng bố mẹ từ nhỏ, năm 2003 đã được bố, mẹ chia cho ở từ đó cho đến nay không liên quan gì đến đất của ông Th2, không thấy có tranh chấp với ai bao giờ. Vì vậy

nguyên đơn yêu cầu ông Ma Viết Q di chuyển tài sản cây trồng có trên đất trả lại 231,1m^2 đấtnêu trên ông không chấp nhận đề nghị Tòa án xem xét.

- Ông Trần Trường Th3 đại diện theo ủy quyền củaUBND huyện ĐH trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 873244 ngày 30/11/2003 cho ông Ma Văn Th2 với diện tích 300m^2 đất thổ cư là có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/11/2003, kê khai đúng đối tượng theo quy định tại điểm a mục 1 chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; được UBND xã xác định sử dụng ổn định không có tranh chấp, được Phòng tài nguyên và Môi trường xác định đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 luật đất đai năm 1993, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576252; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576253 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576254 ngày 01/6/2015 cho ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4 được cấp từ đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi của ông Ma Viết Th2 đề ngày 05/5/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 873244 ngày 30/11/2003 mang tên ông Ma Viết Th2. Có tờ trình của số 751/TTtr - TNMT ngày 01/6/2015 của phòng Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1466/QĐ- UBND ngày 01/6/2015 của UBND huyện ĐH và kết quả đo đạc bản đồ địa chính năm 2012 được quy định tại điểm c khoản 1, đúng quy định khoản 2, 3 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai. Đúng nguyên tắc quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 và Khoản 1 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 848974 ngày 26/10/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho hộ anh Nông Đình Nh và bà Mai Thị X2 được cấp trên cơ sở của hợp đồng tặng cho số 10/HĐTC được UBND xã LV chứng thực ngày 25/6/2015 có chữ ký của các bên, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576253 ngày 01/6/2015 mang tên hộ ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4 và được UBND xã chứng thực .Về trình tự, thủ tục được thực hiện đúng quy định tại khoản 1, 2 Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai. Đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 9 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính như có hợp đồng tặng cho, có bản gốc Giấy chứng nhận.

Với các căn cứ nêu trên đại diện Ủy ban nhân dân huyện ĐH việc cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền. Đề nghị bác yêu cầu của người khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

** Người làm chứng trình bày:*

- Ông Ma Văn T2 (anh ông Th2) trình bày: Phần đất có vụ việc tranh chấp ngày nay là đất của bố mẹ ông Th2 là bà T4, ông B. Ban đầu cho ông N mượn đất làm nhà ở một thời gian ông N chuyển đi nơi khác nhà để không thì chị Th6 bỏ chồng hỏi bà T4 cho ở nhờ còn không nhớ cụ thể thời gian nào. Khi xảy ra ruộng đất ông cha khoảng năm 1990 - 1991 thì bà T4 và ông Th2 đến đòi đất thì chị Th6 trả lại đất và chuyển sang khu KĐ để ở và ông Th2 ở từ đó cho đến nay không thấy có tranh chấp gì đến nay mới có tranh chấp, không có tài liệu, chứng cứ gì. Đề nghị Tòa án xem xét.

- Ông Ma Viết K (anh ông Th2) trình bày: Phần đất có vụ việc tranh chấp ngày nay là đất của bố mẹ ông Th2 là bà T4, ông B. Ban đầu cho ông N mượn đất làm nhà ở một thời gian đến khoảng năm 1983 thì chuyển đi sau đó thì chị Th6 bỏ chồng, hỏi bà T4 cho ở nhờ, còn không nhớ cụ thể thời gian nào. Đến khi xảy ra ruộng đất ông cha khoảng năm 1990 - 1991 thì bà T4 và ông Th2 đến đòi đất thì chị Th6 trả lại đất và chuyển sang khu KĐ để ở không còn tài sản cây trồng gì có trên đất và ông Th2 làm nhà ở từ đó cho đến nay không thấy có tranh chấp gì với ai, không có tài liệu, chứng cứ gì. Không có tranh chấp gì với cháu Xuân, chị Xuyến, anh Chạ, anh Quyền, đề nghị Tòa án xem xét.

- Bà Ma Thị H5 (con gái bà S) trình bày:Phần đất tranh chấp giữa bà T và ông Th2 là của bà S, do bà S khai phá từ lâu và trồng hoa màu trên đất. Năm 1979 chị Th6 bỏ chồng về nhà bố mẹ đẻ bà S ở được thời gian ngắn thì bà S cho bà Th6 ra khu đất này để ở nhưng không có giấy tờ gì. Năm 1994 ông Th2 đòi đất ông cha thì bà Th6 chuyển sang khu KĐ ở. Suốt thời gian nay bà Hiền ở cùng bà S nhưng cũng không thấy mẹ là bà S và chị Th6 có đơn thư, tranh chấp gì với ông Th2, chỉ nghe thấy bà S bảo đất của mình thì mình ở đến năm 2006 bà Th6 mất, năm 2015 bà S mất, bà cũng không thấy có di chúc gì và có tài liệu, chứng cứ gì. Đề nghị Tòa án xem xét.

- Ông Ma Đức H7 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H7 trình bày: Ông nguyên là chủ tịch xã, là Chủ tịch Hội đồng xét cấp đất năm 1993 cho bà Th6. Diện tích đất thổ cư 1080m^2 đấtcấp theo đơn của bà Th6 ngày 13/9/1993 và đất ruộng khi đó là ở xã LV nhưng thực tế là phần giáp ranh giữa hai xã LV, TT . Phần đất ruộng, đất thổ cư khi kê khai năm 1993 là thuộc xã TT còn thực tế thời kỳ này vẫn có trường hợp chồng chéo như vậy, từ năm 1994 theo bản đồ địa giới hành chính năm 1994 thì lại thuộc xã LV. Theo ông H7 phần đất chị Th6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1080m^2 đất không phải là phần đất tranh chấp với hộ gia đình ông Th2 hiện nay mà là

đất bà T đang ở hiện nay còn cụ thể thế nào ông không rõ. Theo ông biết phần đất tranh chấp hiện nay ông Th2 đã ở từ năm 1991 cho đến nay do bố mẹ ông Th2 để lại trước đó có cho ông N, sau đó cho chị Th6 mượn và năm 1991 thì bà Th6 chuyển đi ông Th2 đến ở và ông cũng không thấy có đơn thư tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- Ông Ma Văn N vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông N trình bày: Phần đất hiện nay đang có tranh chấp với chị T là đất của bố, mẹ ông Th2 là bà T4, ông B. Năm 1978 khi chưa có nhà thì ông có hỏi bà T4 mượn đất để ở và làm nhà cột nghẹ, lợp lá cọ để ở. Đến năm 1981 khi làm được nhà chỗ khác thì trả lại đất và trả lại nhà cho bà T4. Khoảng năm 1984 – 1985 vợ chồng chị Th6 bỏ nhau không có chỗ ở có hỏi thì tôi bảo về nhà cũ tôi ở sau này có nhà thì trả lại cho bà T4, sau đó chị Th6 ở được một thời gian thì chuyển sang KĐ ở còn sự việc sau này tôi không biết nữa.

- Ông Ma Đức Th4 trưởng xóm LQ năm 1979-1994; ông Lý Văn K2 trưởng xóm LQ năm 2003 - 2004; ông Ma Viết Đ trưởng xómLQ, phó bí thư chi bộ năm 2004 - 2006; ông Hứa Đức K3, trưởng xóm LQ năm 2006 - 2011; ông Ma Viết Th5, sinh sống cạnh nhà ông Th2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án đều trình bày không thấy có tranh chấp gì giữa các bên. Đều xác định nguồn gốc đất là của ông B, bà T4 cho ông N mượn làm nhà sàn ở, sau khi bỏ đi thì bà S hỏi bà T4 cho chị Th6 mượn làm nhà ở đến năm 1991 xảy ra việc đòi đất ông cha, ông Th2 đòi đất thì bà Th6 đã đưa các con và chuyển toàn bộ tài sản về khu ĐĐ để ở và ông Th2 quản lý từ năm 1991 cho đến nay không có tranh chấp gì. Đến nay mới xảy ra tranh chấp đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người sử dụng đất.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2020, thể hiện: Tổng diện tích đất tranh chấp là 1231,5m^2. Do các ông bà Ma Viết Ch quản lý sử dụng là 79,1m^2, ông Vương Xuân Hùng là 146,5m^2, Ma Thị X2 là 363,1m^2, Ma Viết Th2 là 411,7m^2, Ma Viết Q là 231,1m^2 (có sơ đồ vị trí cụ thể kèm theo)

Kết quảđịnh giá tài sản:Tổng giá trị tài sản là đất và tài sản trên đất là: 1.431.985.400^đ (*Một tỷ bốn trăm ba mươi mốt triệu chín trăm tám mườilăm nghìn bốn trăm đồng*).

Với nội dung trên,tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH đã quyết định:Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 157, 158, 164,165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 73 Luật đất đai năm 1993.Điều 105 Luật đất đai năm 2003. Điều 95, 97,98, 99, 100, 101, 103, 105,166, 167, 168, 203 luật đất đai năm 2013. Điều 158, 159,160, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Ma Thị T, bà Lường Thị M,bà Lường Thị Th ,bà Lường Thị H, bà Ma Thị H2 về việc yêu cầu ông Ma Viết Th2 phải trả lại 1.080m^2 đất thổ cư nằm một phần trong các thửa đất số 158, 159, 160, 166 Bản đồ 299 xã LV,huyện ĐH tỉnh Thái Nguyên. Nay có tổng diện tích là 1.231,5m^2 đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm khác bao gồm 411,7m^2 đất tại thửa số 395 ông Ma Viết Th2 bà Lê Thị H4 đang quản lý, sử dụng; 340,1m^2 đất tại thửa số 387 và 23m^{2}đất tại thửa 388 chị Ma Thị X2 đang quản lý, sử dụng; 146,5m^2 đất tại thửa số 388 bà Triệu Thị X và anh Ma Viết Q2 đang quản lý, sử dụng; 1,1m^2 đất tại thửa 388 + 26m^2 đất tại thửa số 387 + 46,2m^2 đất tại thửa 395 và 152,7m^2 đất tại thửa số 389 ông Ma Viết Q đang quản lý, sử dụng; 46,8m^2 đất tại thửa 363 + m^2 đất tại thửa 403 ông Ma Viết Ch đang quản lý sử dụng và 5,1m^2 đất thuộc phần mương nước và đều thuộc tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về chi phí tố tụng: Bà Ma Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí định giá tài sản là 6.000.000đ. Bà Ma Thị T đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí định giá tài sản.

- Về án phí dân sự thẩm: Bà Ma Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ nhà nước là 16.106.000đ (Mười sáu triệu một trăm linh sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.220.000đ (Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0017912 ngày 21/8/2017. Bà Ma Thị T còn phải nộp 6.886.000đ (Sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụthi hành án, quyền kháng cáocho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày20/9/2021,ông Ma Hữu Ph đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơnlàm đơn kháng cáo toàn bộ bản ándân sự sơ thẩm số 11 ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH .

Tại phiên tòa phúc thẩm,ông Phan không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên các nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xửkhông chấp nhận kháng cáo của ông Ma Hữu Ph, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sựsửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1]Về tố tụng:Đơn kháng cáo của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đảm bảo hình thức, thời hạn, mặc dù chưa nộp đủ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, tuy nhiên đây là do lỗi của Toà án cấp sơ thẩm nên các đương sự vẫn được xem xét kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt nhưng họ đã có đầy đủ lời khai thể hiện trong hồ sơ và đã được triệu tập hợp lệ, nên việc xét xử được tiếp tục tiến hành theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đồng nguyên đơn Ma Thị T, Lường Thị M, Lường Thị Th , Lường Thị H, Ma Thị H2 (người đại diện theo ủy quyền ông Ma Hữu Ph) khởi kiện yêu cầu các ông bàMa Viết Th2,Mai Thị X2 và Nông Đình Nh, Triệu Thị X và Ma Viết Q2,Ma Viết Ch,Ma Viết Q phải tháo dỡ nhà, di chuyển tài sản cây trồng có trên đất để trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếmđều thuộc tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể: ông Ma Viết Th2 là 411,7m^2 tại thửa đất số 395;Mai Thị X2 và anh Nông Đình Nh là 363,1m^2tại thửa đất số 387; bà Triệu Thị X và ông Ma Viết Q2 là 146,5m^2 đất thuộc thửa số 388; ông Ma Viết Ch là 79,1m^2 đất thuộc thửa 363; ông Ma Viết Q là 231,1m^2 đấtthuộc thửa số 389.

Ông Ma Viết Th2 và các ông bà Mai Thị X2 và Nông Đình Nh, Triệu Thị X và Ma Viết Q2, Ma Viết Ch, Ma Viết Q không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn vì cho rằng phần đất các ông bà đangquản lý sử dụng có nguồn gốc của bố mẹ đẻ để lại và đã sử dụng ổn định từ năm 1991 cho đến nay, không có tranh chấp.Nếu phần đất đang tranh chấp bị cấp trùng vào diện tích đất của gia đình các ông bà, các ông bà yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng giấy chứng nhận QSDĐ số 579076 ngày 18/01/1994 mang tên bà Ma Thị Th6.

[3] Xét kháng cáo của phía nguyên đơn, thấy:

[3.1] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của UBND xã LV báo cáo về xác minh nguồn gốc đất, ý kiến UBND huyện ĐH có thể khẳng định: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Ma Viết B và bà Ma Thị T4 tự khai phá.Trước năm 1990 là bãi tre, vườn chuối của gia đình bà T4. Khoảng năm 1979 cho ông Ma Viết N2 mượn đất làm nhà, ông N làm nhà cột nghệ lợp lá cọ để ở tạm, đến năm 1981 ông N làm nhà ở

chỗ khác nên đã trả lại đất cho bà T4. Năm 1983, bà Ma Thị Th6 ly hôn với chồng là ông Lường Văn T3, nên đã cùng các con về ở nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị S. Bà S sang mượn lại đất và căn nhà ông N đã làm cho bà Th6 cùng các con ở. Quá trình ở, bà Th6 cùng các con đã dựng 01 căn nhà sản nhỏ. Năm 1991 xảy ra tranh chấp đất ông cha, bà T4 đòi lại đất cho mượn và giao cho con trai là Ma Viết Th2, còn bà Th6 và các con đã dỡ căn nhà sàn và chuyển về đất cũ của bà S ở gần ruộng tại ĐĐ (KĐ) giáp xã TT sinh sống. Cả ông Th2 và gia đình bà Th6 đều ở trên đất của mình từ năm 1991 cho đến nay. Đất của ông Th2 có các vị trí thửa 395, 387, 388 tờ bản đồ 112 BĐĐC xã LV, còn đất của bà Th6 có vị trí thửa 269, 270, 268 tờ bản đồ địa chính LV số 111. (BL134-136; 349-353; từ 391 đến 400; từ 414 đến 417; 418; từ 427 đến 432; 403-404; 443-444; từ 468 đến 481; 482; 486).

[3.2.] Hồ sơ xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Ma Thị Th6, thể hiện: Trong đơn xin đăng ký QSD đất đề ngày 18/9/1993, tại góc trên cùng bên trái trang 1 có ghi "Đất ở TT cả thổ", mục I Bảng kê khai đất khu vực thổ cư ghi "1080m^2 Bản đồ chưa có ST - cụ thể"; tại trang 2 mục II Bảng kê diện tích hiện tại đang sử dụng phần cuối có ghi "Ruộng đất xâm canh ở xã khác". (BL148; 180 đến 184; 379 đến 382).Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ 0001/QSDĐ cấp ngày 18/01/1994, trong đó có 1080m^2 đất thổ cư không có số thửa số tờ bản đồ. Phù hợp với lời khai của các ông Ma Đức H7 nguyên chủ tịch UBND xã LV từ năm 1991 đến năm 1994, ông Ma Đức Th4 nguyên trưởng thôn LQ xã LV từ năm 1979 đến 1994.

[3.3] Theo phía nguyên đơn trình bày từ năm 1991 khi xảy ra tranh chấp ruộng đất ông cha, do lo sợ nên cả gia đình bà Th6 đã chuyển sang ĐĐ (KĐ) giáp xã TT sinh sống, phần đất tại LQ đã bị ông Th2 lấn chiếm, gia đình đã nhiều lần làm đơn yêu cầu làng, thôn, xã giải quyết nhưng không thành. Thấy: Qua rà soát đối chiếu sổ sách và lời khai của những người làm chứng xác định được từ năm 1991 đến trước năm 2012 giữa gia đình bà Th6 và gia đình ông Th2 không xảy ra bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến 1080m^2 đất thổ cư mà phía nguyên đơn đang kiện đòi. Năm 2012, đo đạc lại bản đồ địa chính thì phát sinh tranh chấp, ông Th2 làm đơn yêu cầu giải quyết, tại biên bản hòa giải ngày 03/10/2012 do UBND xã LV tiến hành hòa giải, bà T có ý kiến "Tôi cũng không xác định phần đất đó của tôi, cho đến khi đo đạc bản đồ mới đi kê khai tư vấn, trưởng thôn nói của gia đình tôi đồng thời bảo tôi phải nhận từ đó tôi mới nhận". Mặt khác, năm 2009 bà T đã đứng ra cấp đổi lại 1080m^2 đất hạn mức đất ở tại GCNQSD đất của bà Ma Thị Th6 mà không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì. Phần diện tích cấp đổi này hiện bà T vẫn đang quản lý sử dụng.

[3.4] Quá trình rà soát, đối chiếu bản đồ 299, bản đồ địa chính xã LV cũng đã xác định được phần diện tích 1080m^2 đất thổ cư các bên đang tranh chấp như sau:

Theo bản đồ 299 là các thửa 158, 159, 160, 166 được ông Ma Đình D (anh trai ông Th2) đăng ký cấp QSD một phần vào năm 1993, phần còn lại do ông Th2 quản lý sử dụng. Theo bản đồ địa chính 112 xã LV là các thửa 387, 388,395,363, 403 do các ông bà Ma Viết Th2 và Mai Thị X2 và Nông Đình Nh, Triệu Thị X và Ma Viết Q2, Ma Viết Ch, Ma Viết Q quản lý sử dụng, còn lại là mương nước.

Phần diện tích 1080m^2 đất thổ cư trong giấy CNQSD đất cấp cho bà Ma Thị Th6 năm 1994, chính là phần đất chị Ma Thị T (con đẻ bà Th6) đang quản lý sử dụng, đã làm thủ tục cấp đổi hạn mức đất ở năm 2009. Trước đó theo bản đồ 299 không có số thửa, số tờ bản đồ là do gia đình bà Th6 chuyển đến ĐĐ (KĐ) giáp xã TT sau năm 1987 (BĐ 299 đo vẽ năm 1987), nên không thể hiện được số thửa đất ở; còn theo BĐĐC là các thửa 268, 269, 270 tờ BĐĐC xã LV 111.

[4] Từ các phân tích trên thấy, phần diện tích đất phía nguyên đơn đang kiện đòi từ những năm 1991 đã không quản lý, sử dụng, không kê khai xin cấp QSD đất. Người trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1991 là ông Ma Viết Th2, sau đó được cấp QSD đất là các ông bà Ma Viết Th2 và Mai Thị X2 và Nông Đình Nh, Triệu Thị X và Ma Viết Q2, Ma Viết Ch, Ma Viết Q. Quá trình sử dụng và xin cấp QSD đất đều không phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện đảm bảo các quy định của pháp luật và quyền lợi của các đương sự. Do vậy kháng cáo của các nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ ông Ma Viết Ch, Ma Viết Q có vợ hay không, là ai để đưa vào tham gia tố tụng, đây là một sai sót của cấp sơ thẩm. Lẽ ra cần huỷ bản án để giải quyết lại,tuy nhiên, yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa được tham gia tố tụng, việc đưa thiếu người tham gia tố tụng không làm thay đổi bản chất của vụ án, nên cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[6] Trong phần tuyên của bản án cấp sơ thẩm tuyên không đầy đủ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên là bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện tuyên về yêu cầu đòi đất, nhưng lại không tuyên về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên HĐXX cấp phúc thẩm sắp xếp lại cho chính xác.

[7] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốchội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Không chấp nhận kháng cáo của ông Ma Hữu Ph. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2021/DS-ST ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Ma Thị T, bà Lường Thị M, bà Lường Thị Th , bà Lường Thị H, bà Ma Thị H2 về việc yêu cầu các ông bà Ma Viết Th2,bà Mai Thị X2 và Nông Đình Nh, Triệu Thị X và Ma Viết Q2, Ma Viết Ch, Ma Viết Q phải tháo dỡ toàn bộ nhà ở, cây trồng trên đất để trả lại diện tích đất thổ cư là 1.080m^2 (theo kết quả thẩm định thực tế là 1.231,5m^2 đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm) thuộc các thửa đất 395, 387, 388, 363, 403 đều thuộc tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên (có sơ đồ kèm theo)

2. Bác yêu cầuhủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y 873244 ngày 30/11/2003 của UBND huyện ĐH cấp cho ông Ma Văn Th2 với diện tích 300m^2 đất thổ cư; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576252 ngày 01/6/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4 với diện tích 459,1m^2 đất trong đó có 160m^2 đất thổ cư và 299,1m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 395, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, ĐH ,Thái Nguyên; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 848974 ngày 26/10/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho hộ anh Nông Đình Nh và chị Mai Thị X2 với diện tích 382,9m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 312,9m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 387, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV,ĐH , Thái Nguyên; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BV 576254 ngày 01/6/2015 của UBND huyện ĐH cấp cho hộ ông Ma Văn Th2 và bà Lê Thị H4 với diện tích 234m^2 đất trong đó có 70m^2 đất thổ cư và 164,0m^2 đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 388, tờ bản đồ số 112 Bản đồ địa chính xã LV, ĐH , Thái Nguyên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

3.1Về chi phí tố tụng: Bà Ma Thị T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí định giá tài sản là 6.000.000đ.Bà Ma Thị T đã nộp đủ.

3.2 Về án phí dân sự thẩm: Bà Ma Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ nhà nước là 16.106.000đ (Mười sáu triệu một trăm linh sáu nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.220.000đ (Chín triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai

nộp tạm ứng án phí số 0017912 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên.Bà Ma Thị T còn phải nộp tiếp số tiền 6.886.000đ (Sáu triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ nhà nước.

3.3 Về án phí phúc thẩm:Các nguyên đơn bà Ma Thị T, bà Lường Thị M, bà Lường Thị Th , Lường Thị H, Ma Thị H2 phải liên đớichịu1.500.000đ(300.000đồng/người) án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0007049 ngày 27/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH , tỉnh Thái Nguyên. Các đương sự còn phải liên đới nộp 1.200.000đ*(một triệu, hai trăm nghìn đồng).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện ĐH ;
- Chi cục THADS huyện ĐH ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý